**LỊCH BÁO GIẢNG**

**TUẦN 16:** Từ: 18.12 – 22.12.2023

**Cách ngôn: Một cây làm chẳng nên non**

**Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Môn học** | **Tên bài giảng** |
| **Hai** | Sáng | HĐTN  Tiếng Việt  Khoa học  Toán | SH dưới cờ: Chào mừng ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22-12  Đọc: Ở vương quốc Tương Lai  Động vật cần gì để sống? (t1)  Luyện tập |
| Chiều | LS-ĐL  Khoa học  Tiếng Việt | Văn Miếu – Quốc Tử Giám (t3)  Động vật cần gì để sống? (t2)  Luyện từ và câu: Luyện tập về dấu gạch ngang |
| **Ba** | Sáng | Toán  GD KNS  Đạo đức  HĐTN | Luyện tập  Khoan dung với bạn bè  Tôn trọng tài sản của người khác (t4)  HĐGD theo chủ đề: Tự lực thực hiện nhiệm vụ ở trường |
| **Tư** | Sáng | Toán  Tiếng Việt | Luyện tập  Viết: Viết bài văn miêu tả con vật |
| **Năm** | Sáng | Toán  Tiếng Việt  Tiếng Việt | Luyện tập  Đọc: Cánh chim nhỏ  Đọc: Cánh chim nhỏ |
| Chiều | LS – ĐL  Đọc TV  Tiếng Việt | Ôn tập  Cùng đọc  Viết: Trả bài văn tả con vật |
| **Sáu** | Chiều | Toán  Tiếng Việt  HĐTT | Luyện tập  Nói và nghe: Kể chuyện Đôi cánh của ngựa trắng  SHL: Sinh hoạt theo chủ đề: Vượt khó và sáng tạo |

*Thứ hai ngày 18 tháng 12 năm 2023.*

**Tiếng Việt: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦ ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch Ở Vương quốc Tương Lai. Biết đọc ngắt giọng để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật; Biết đọc với giọng hồn nhiên, thể hiện được tâm trạng háo hức, thán phục hoặc thái độ tự tin, tự hào phù hợp với mỗi nhân vật.

- Nhận biết được đặc điểm của các nhân vật trong vở kịch (thể hiện qua hành động, lời nói). Hiểu điều tác giả muốn nói qua vở kịch: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà phát minh sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang, biết sử dụng dấu gạch ngang trong văn cảnh cụ thể. Viết được câu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đã học.

- Viết được bài văn miêu tả con vật dựa vào dàn ý đã lập.

- Biết tìm đọc thêm các bài văn miêu tả con vật, trao đổi với người thân về đặc điểm con vật trong bài văn của mình.

**2. Năng lực:**

- Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Biết và mơ ước của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

- Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, ti vi, tranh minh họa SGK, hoặc video vở kịch *Con chim xanh*

- HS: SGK, vở Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động:**  - Yêu cầu 1HS đọc khổ cuối bài thơ Bốn mùa ước mơ và trả lời câu hỏi sau:  + Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về ước mơ của tuổi thơ ? Chọn câu trả lời đúng.  A. Mơ ước tuổi thơ nối dài tới tận chân trời.  B. Mơ ước cho em được đến mọi miền đất nước.  C. Mơ ước đưa trẻ thơ đi tới tương lai. | - Đọc và trả lời câu hỏi |
| - Yêu cầu các nhóm thảo luận nội dung sau: *Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai?* | - Các nhóm thảo luận.  + Đại diện nhóm trình bày trước lớp. |
|  | - Nêu ý kiến nhận xét, bổ ý  sung.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung. |
| - Nhận xét, bổ sung. |  |
| - Giới thiệu ghi đề bài lên bảng | - Ghi đề bài vào vở |
| **2. Khám phá:** |  |
| \* Hoạt động 1: Đọc văn bản  - Đọc mẫu toàn bài  - Hướng dẫn cách đọc: Đọc đúng các từ khó, đọc trôi chảy và thể hiện được lời nhân vật  + Bài chia làm mấy phần?  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1  - Hướng dẫn luyện đọc từ khó  - Đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ: *thuốc trường sinh.*  - Hướng dẫn giọng đọc, phân biệt lời dẫn chuyện với lời các nhân vật). | - Lắng nghe và đọc thầm theo  - Lắng nghe GV hướng dẫn cách đọc.  *-* Bài đọc gồm 2 phần: phần giới thiệu, màn kịch.  - Đọc nối tiếp các phần.  - Luyện đọc từ khó:*Vương quốc Tương Lai, Tin- tin, Mi- tin, đôi cánh xanh, sáng chế, . . .*  - Nối tiếp đọc lần 2. |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp.  - Cho vài cặp thi đọc trước lớp | - Luyện đọc.  - Thi đọc đoạn trước lớp. |
| - Nhận xét, đánh giá. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu bài**  - Yêu cầu học sinh đọc thầm lần lượt các câu hỏi  + Vở kịch có những nhân vật nào ?  - Nhận xét, bổ sung, chốt ý đúng. | - Đọc  - Thảo luận nhóm đôi + TLCH.  - Đại diện các nhóm trả lời.  + Vở kịch gồm các nhân vật: Người dẫn chuyện, Mi - tin, Ti- tin, Em bé thứ nhất, Em bé thứ hai, Em bé thứ ba, Em bé thứ tư, Em bé thứ năm. |
| + Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế ? (HĐ nhóm đôi)  - Nhận xét, chốt ý đúng.  + Tác giả muốn nói điều gì qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai? (HĐ nhóm 4)  - Nhận xét, bổ sung, chốt ý đúng.  + Theo em, vì sao nơi Tin- tin và Mi- tin đến có tên là Vương quốc Tương Lai? Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em. (HĐ cá nhân) | - Thảo luận theo cặp + trình bày kết quả.  + Làm ra thuốc trường sinh - giúp con người sống lâu.  + Làm ra một thứ ánh sáng kì lạ - để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng.  + Làm ra máy giúp dò tìm kho báu - để làm giàu cho mọi người.  + Làm ra cái máy biết bay trên không - giúp con người di chuyển nhanh và thú vị.  - Thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả  *Qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai, tác giả muốn nói đến ước mơ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Nơi đó, trẻ con là những nhà phát minh sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.*  - Làm việc cá nhân + TLCH trước lớp.  - Nhận xét. |
| - Nhận xét, khen ngợi HS, chốt đáp án đúng: B. |  |
| + Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì ?  (HĐ cá nhân) | - Nối tiếp phát biểu trước lớp. |
| - Mời HS nhận xét, bổ sung, trình bày suy nghĩ, sáng chế của mình. | - Nhận xét bổ sung |
| - Kết luận, khen ngợi HS. | - Lắng nghe |
| **3. Luyên tập:**  **Hoạt động 3: Luyện đọc lại** |  |
| - HD lại cách đọc diễn cảm vở kịch (đọc phân vai).  - Yêu cầu học sinh luyện đọc theo nhóm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét tuyên dương. | - Lắng nghe lại cách đọc diễn cảm.  - Luyện đọc  - Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Lắng nghe, học tập lẫn nhau. |
| **4. Vận dụng:** |  |
| + Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về các bạn nhỏ ở Vương quốc Tương Lai ?  - Nhận xét tiết học. | **-** Trả lời. |
| **Tiết 2** | |
| **1. Khởi động:**  + Dấu gạch ngang có những tác dụng gì? Lấy ví dụ ?  - Nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài – ghi bài | **-** Trả lời. |
| **2. Luyện tập:**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  + Bài Yêu cầu HS làm gì? | - Đọc yêu cầu BT.  + Trả lời: Nêu công dụng của dấu gạch ngang. |
| - Yêu cầu HS làm việc theo cặp. | - Thảo luận và thực hiện vào vở . |
| - Mời HS trình bày kết quả. | - Nối tiếp đọc kết quả. |
|  | + Có 5 dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê sự việc. |
| - Khen ngợi HS và kết luận, cho HS xem hình ảnh nhà bác học Ma- ri Quy- ri. |  |
|  | + Có 1 dấu gạch ngang dùng để nối từ ngữ trong một liên danh (Việt – Pháp) |
| - Giúp HS phân biệt dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh với dấu gạch ngang nối các âm tiết trong tên nước phiên âm ra tiếng Việt. |  |
| **Bài 2:** Làm việc cá nhân |  |
| - Mời HS đọc yêu cầu BT. | - 2HS đọc yêu cầu BT. |
| - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở. | - Hoàn thành vào vở . |
| - Yêu cầu trình bày kết quả. | - Nối tiếp trình bày kết quả. |
|  | + Ông Giô- dép dắt con trai đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy Rơ- nê đã già, mái tóc ngả màu xám. Thầy hỏi:  - Con tên là gì?  - Thưa thầy, con là Lu- i Pa- xtơ ạ! - Cậu bé lễ phép.  - Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi?  - Thưa thầy, con thích đi học ạ!  Thầy giáo gật gù:  - Thế thì được!  Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường. |
|  | *+ Dấu gạch ngang có tác dụng: dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật trong đoạn hội thoại.* |
| - Chấm chữa bài | + Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hoá – thể thao,. . . giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.  *+ Công dụng của dấu gạch ngang là nối các từ ngữ trong một liên danh.* |
| **Bài 3**: Làm việc nhóm đôi |  |
| - Mời HS đọc yêu cầu BT. | - 2HS đọc yêu cầu BT. |
| - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm. | - Hoàn thành vào vở. |
| - Yêu cầu trình bày kết quả. | - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận. |
| - Kết luận, khen nhóm trình bày hay. | \* Ví dụ:  + Bạn có biết nhà bác học Lương Định Của ở nước nào không ?  + Lương Định Của là nhà bác học của nước Việt Nam.  + Đúng đấy! Nhà bác học Lương Định Của đã có những đóng góp to lớn cho nền nông nghiệp Việt Nam. . . |
| + Nêu tác dụng của dấu gạch ngang ? | - Nối tiếp phát biểu. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Nhận xét giờ học.  - Dặn HS về nhà viết 1, 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang và chuẩn bị bài học sau. |  |
|  | - Thực hiện. |
| **Tiết 3** | |
| **1. Khởi động:**  - Yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở bài 28, trả lời câu hỏi:  + Bài văn tả con vật gồm mấy phần? Là những phần nào ?  - Nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. | - 2- 3HS đọc và trả lời |
| **2. Luyện tập:** |  |
| Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:  *Đề 1:* Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó.  *Đề 2:* Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc phim ảnh mà em yêu thích. | - Đọc yêu cầu. |
| - Yêu cầu HS chọn 1 trong 2 đề trong SGK đề thực hiện yêu cầu BT. | - Làm việc cá nhân. |
| - Yêu cầu HS đọc lại dàn ý Bài 28.  - Yêu cầu HS: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 28, viết bài văn có đủ mở bài, thân bài, kết bài. | - HS: Đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở Bài 28.  - Viết bài vào vở. |
| - Lưu ý HS khi viết nhớ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn sinh động. |  |
| - Yêu cầu HS đọc lại bài, rà soát lỗi. | - Đọc bài, phát hiện lỗi.  - Đổi chéo vở sửa lỗi. |
| - Mời HS đọc bài trước lớp. | - Đọc bài trước lớp. |
| - Cùng HS nhận xét, bổ sung về cách trình bày, dùng từ, viết câu, ý diễn đạt, . . . | - Nhận xét, góp ý, bổ sung. |
| - Có thể viết nhanh một số câu cần sửa chữa của HS lên bảng để sửa chữa. |  |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe. |
| - Yêu cầu tìm đọc các bài văn miêu tả con vật và trao đổi với người thân về đặc điểm nổi bật về con vật đó trong bài văn em viết. |  |
| - Dặn HS về nhà ôn Bài 29 chuẩn bị Bài 30. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**Toán: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)**

*(Đã soạn ở tuần 15, thứ sáu ngày 15 tháng 12)*

**Khoa học: ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG? (3 Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Đưa ra được dẫn chứng cho thấy động vật cần ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ và thức ăn để sống và phát triển.

- Hoàn thành được sơ đồ gợi ý về sự trao đổi khí, nước, thức ăn của động vật với môi trường.

- Vận dụng kiến thức về nhu cầu sống của động vật ứng dụng trong sử dụng và chăm sóc vật nuôi.

- Trình bày được động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng, phải sử dụng các chất dinh dưỡng của thực vật và động vật khác để sống.

**2. Năng lực:**

- Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập.

- Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất:**

- Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: máy tính, ti vi, hình 1 SGK

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động:**  - Hỏi: Hãy kể tên một số con vật mà em biết. Chúng thường ăn những loại thức ăn nào? | **-** Trả lời |
| - Giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Khám phá:**  **\*** Các yếu tố cần cho sự sống và phát triển của động vật. |  |
| **-** Chia nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK và cho biết: Các con vật trong hình cần những gì để sống và phát triển? | - Quan sát hình và nêu các yếu tố mỗi con vật trong hình cần để sống và phát triển. |
| **-** Nhận xét, chốt: Trong hình các con vật cần thức ăn, nước uống, không khí để sống. | - Đại diện nhóm trả lời: hươu ăn cỏ, bò uống nước, cá đang thở, chim mẹ đang cho chim con ăn,… |
| - Kể thêm những yếu tố cần thiết khác để động vật sống và phát triển bình thường. | - Suy nghĩ và trả lời |
| - Nhận xét, chốt: nhiệt độ, ánh sáng. |  |
| - Các yếu tố nào cần cho sự sống và phát triển của động vật? | - Thức ăn, nước uống, không khí, nhiệt độ, ánh sáng thích hợp để sống và phát triển. |
| - Chia nhóm YC HS quan sát hình 2 SGK, thảo luận, lấy ví dụ chứng tỏ:  + Động vật cần đầy đủ thức ăn, nước uống để sống và phát triển.  + Động vật cần ánh sáng để quan sát môi trường xung quanh, di chuyển, tìm kiếm thức ăn hay sưởi ấm cơ thể.  + Khi nhiệt độ của môi trường quá thấp, quá cao hoặc thay đổi đột ngột, động vật có thể bị chết nên chúng thường tìm cách trú ẩn. | - Thảo luận, lấy ví dụ. |
| - Mời đại diện nhóm lấy ví dụ. | - Đại diện nhóm trả lời, mỗi nhóm trả lời một ý:  + Động vật cần đầy đủ thức ăn, nước uống để sống và phát triển: Trong hình 2a đàn cừu ở điều kiện thức ăn có bộ lông xác xơ, thân hình gầy yếu hơn so đàn cừu có đầy đủ thức ăn, nước uống ở hình 2b.  + Động vật cần ánh sáng để quan sát môi trường xung quanh, di chuyển, tìm kiếm thức ăn hay sưởi ấm cơ thể: Hổ quan sát bắt con mồi (2c), đàn bò di chuyển để tìm kiếm nước, ...  + Khi nhiệt độ của môi trường quá thấp, quá cao hoặc thay đổi đột ngột, động vật có thể bị chết nên chúng thường tìm cách trú ẩn: Thỏ trốn vào hang tránh nóng (2d); Gấu ngủ đông tránh rét (2e). |
| - Chốt câu trả lời cho mỗi ý | - Nhận xét, bổ sung cho câu trả lời mỗi nhóm. |
| **3. Luyện tập:** |  |
| - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm TLCH:  ***Câu hỏi 1:*** Gia đình bạn Khang có chuyến đi du lịch cần đưa con mèo đi cùng. Hãy giúp bạn Khang chọn được chiếc lồng phù hợp ở hình 3. Giải thích sự lựa chọn đó.  ***Câu hỏi 2:*** Trong đợt rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc có hàng loạt trâu, bò chăn thả bị chết. Theo em vì sao trâu, bò bị chết? Hãy đề xuất một số biện pháp giúp hạn chế trâu, bò chết trong trường hợp này. | - Thảo luận trả lời câu hỏi  + Chọc chiếc lồng c bởi lồng c có đầy đủ đồ dùng cho mèo ăn uống, cung cấp đủ không khí. Còn hình a không có đủ đồ cho mèo ăn; hộp ở hình b không thể cung cấp khí cho mèo.  + Vì nhiệt độ quá lạnh. Biện pháp: Chủ động làm chuồng trại, gia cố, che chắn, đảm bảo chuồng trại đủ ấm, không bị gió lùa, mưa hắt làm ẩm, ướt nền chuồng. Dự trữ chất đốt: củi, trấu, mùn cưa ... để đốt, sưởi cho gia súc trong những ngày rét đậm, rét hại. |
| - Nhận xét, chốt đáp án. | - Lắng nghe |
| **4. Vận dụng:**  + Động vật cần gì để sống? | - Trả lời |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| **Tiết 2** | |
| **1. Mở đầu:**  - Hỏi: Các yếu tố nào cần cho sự sống và phát triển của động vật?  - Nhận xét  - Giới thiệu- ghi bài  **2. Khám phá:**  \* Thức ăn của động vật:  - Gọi HS đọc thông tin trong SGK  - Yêu cầu HS quan sát hình 4, thảo luận cặp đôi và TLCH:  + Các con vật trong hình đang sử dụng những thức ăn nào?  + Thức ăn đó từ thực vật hay động vật?  - Nhận xét, chốt đáp án  ***\* Chốt***: Mỗi con vật có một nhu cầu về thức ăn khác nhau.  2. – Cho HS quan sát hình 5 nêu tên các con vật và loại thức ăn của chúng.  - Nhận xét, chốt đáp án  + Hãy cho biết thức ăn của động vật khác gì so với “thức ăn” của thực vật.  ***Chốt:*** Động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng như thực vật, phải sử dụng thức ăn từ thực vật và động vật khác để sống và phát triển.  **3. Vận dụng**  - Thức ăn của động vật là gì?  - Hãy kể tên một số động vật ăn cả thực vật và động vật  - Nhận xét tiết học. | - Trả lời  - Đọc  - Thảo luận  - Đại diện nhóm trả lời:  a - Bò ăn cỏ: thức ăn từ thực vật.  b - Gà ăn rau: thức ăn từ thực vật.  c - Chim ăn cá: thức ăn từ động vật.  d - Hổ ăn thịt: thức ăn từ động vật.  - Nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - Thảo luận  - Đại diện nhóm trả lời:  a) Chim đại bàng, hổ, cá sấu ăn thịt.  b) Ngựa, cừu, thỏ, bò ăn cỏ.  c)   * Gấu ăn trái cây, cá, thịt. * Lợn ăn cá, tôm, rau củ. * Gà ăn cá, tôm, rau.   Vịt ăn cá, tôm, rau.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + “Thức ăn” của thực vật là nước, chất khoáng, khí các-bô-níc. Thức ăn của động vật là thực vật và động vật khác.  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Trả lời  - Nêu |
| **Tiết 3** | |
| **1. Khỏi động:**  - Hỏi: Động vật thường ăn những thức ăn gì để sống? Hãy kể tên những con vật ăn cả động vật và thực vật.  - Nhận xét  - Giới thiệu- ghi bài  **2. Khám phá:**  **-** Trao đổi nước, không khí, thức ăn của động vật với môi trường  - Cho HS quan sát hình 6, thảo luận theo cặp và TLCH.  - Gọi đại diện nhóm lên trình bày  + Trước hết kể tên những gì được vẽ trong hình.  + Những yếu tố nào động vật thường xuyên phải lấy từ môi trường để duy trì sự sống?  + Động vật thường xuyên thải ra môi trường những gì trong quá trình sống?  + Quá trình trên được gọi là gì?  + Thế nào là quá trình trao đổi chất?  ***- Chốt:*** Động vật thường xuyên lấy từ môi trường nước, không khí, thức ăn và thải ra các chất cặn bã, khí các-bô-níc, nước tiểu. Quá trình đó gọi là quá trình trao đổi chất giữa động vật và môi rường xung quanh.  **3. Luyện tập**  - Tổ chức HS hoạt động nhóm 4, yêu cầu HS vẽ sơ đồ thể hiện sự trao đổi không khí, thức ăn của động vật với môi trường theo gợi ý:  - Gọi HS trình bày  - Yêu cầu các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình và cử đại diện nhóm trình bày trước lớp.  - Nhận xét, tổng kết  - Yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ vào vở  - Gọi HS đọc mục “Em có biết”  **4. Vận dụng:**  - Lấy được ví dụ về các điều kiện sống thích hợp cho động vật sống và phát triển.  ***VD:*** Ếch đồng cần sống ở những nơi ẩm ướt, gần bờ ao (hồ, đầm nước,...). Thức ăn thường là sâu bọ, cua, cá con, giun, ốc,…  - Nhận xét tiết học. | **-** Trả lời  - Lắng nghe  - Quan sát hình 6 và TLCH  - Hình thành nhóm và thực hiện  - Đại diện nhóm trình bày  + HS mô tả  + Lấy từ môi trường: nước, khí ô-xi có trong không khí, thức ăn.  + Thải ra môi trường khí các-bô-níc, các chất cặn bã, nước tiểu,...  + Quá trình trao đổi chất ở động vật  - Nêu  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Làm việc theo nhóm, các em cùng tham gia vẽ sơ đồ sự trao đổi không khí, thức ăn của động vật với môi trường trong nhóm.  - Các nhóm treo sản phẩm và cử đại diện trình bày sơ đồ của nhóm mình trước lớp.  - Các nhóm khác đặt câu hỏi cho nhóm bạn  - Hoàn thiện sơ đồ vào vở  - Đọc và liên hệ thực tế  - Trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Lịch sử và địa lí: VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM (Tiết 3 )**

*(Đã soạn ở tuần 15, thứ hai ngày 11 tháng 12)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Khoa học: ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG (Tiết 2)**

*(Đã soạn ở thứ hai ngày 18 tháng 12 năm)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt: LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG**

*(Đã soạn ở thứ hai ngày 18 tháng 12 năm)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ ba ngày 19 tháng 12 năm 2023.*

**Toán: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 3)**

*(Đã soạn ở Tuần 15, thứ sáu ngày 15 tháng 12)*

**Giáo dục kĩ năng sống: KHOAN DUNG VỚI BẠN BÈ**

*(Đã soạn ở Tuần 13, thứ ba ngày 28 tháng 11)*

**Đạo đức: TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC (t4)**

*(Đã soạn ở Tuần 13, thứ ba ngày 28 tháng 11)*

**Hoạt động trải nghiệm: TỰ LỰC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ Ở TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- HS nhận thức được trách nhiệm của mình công việc trường.

- HS chủ động nhận thực hiện được một số việc làm hàng ngày thường xuyên để chăm sóc ngôi nhà của mình.

**2. Năng lực**

- Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất:**

- Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: máy tính, ti vi, giai điệu bài hát “Baby Shark”

- HS: giấy A4, bút màu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - Mời HS lần lượt sắm vai nhân vật “Ỷ lại” luôn nhờ và người người khác hỗ trợ làm hộ việc của mình.  Gợi ý: Mẹ ơi rửa bát hộ con với! Anh gấp quần áo hộ em với!,...  - Đề nghị HS theo dõi và đưa ra lý lẽ để thuyết phục nhân vật tự làm việc của mình.  - Tổng kết phần chia sẻ của HS, giới thiệu – ghi bài  **2. Khám phá chủ đề: Chia sẻ về việc nhà của em**  - Mời HS Kể về những nhiệm vụ của mình ở nhà:  + Những việc em đã làm thường xuyên mà không cần ai nhắc.  + Những việc em thấy ngại làm hoặc hay quên làm.  - Đề nghị HS thảo luận về lý do em cần thực hiện nhiệm vụ ở nhà, cách em ghi nhớ công việc và cách giúp em không ngại làm việc nhà.  - Mời HS chia sẻ.  - Kết luận: Để công việc không bị dồn ứ, chúng mình đừng quên là việc nhà cần làm NGAY và LUÔN nhé!  **3. Mở rộng và tổng kết chủ đề: Lập phiếu việc nhà**  - Đề nghị HS nhớ lại và liệt kê những công việc đã nhận làm ở nhà.  - Phát cho HS giấy để thiết kế Phiếu việc nhà theo cách của mình. Khuyến khích học sinh có thể sáng tạo thêm dựa vào mẫu phiếu việc nhà trong sách giáo khoa trang 41, có thể gợi ý học sinh về hình dáng ảnh hoặc tạo tranh 3D bổ sung thêm các biểu tượng khác để từ phiếu đẹp hơn.  - Mời một số HS chia sẻ trước lớp.  - Kết luận: GV mời một vài HS Về phía việc nhà mình thiết kế và nghe Các bạn góp ý thêm.  **4. Cam kết hành động:**  - Cùng HS cam kết tự lực thực hiện các công việc đã nhận ở gia đình và sử dụng phí việc nhà để theo dõi quá trình thực hiện.  “ Việc nhà chẳng của riêng ai  Việc hôm nay chớ để mai mới làm!”  - Nhận xét giờ học. | - Thực hiện.  - 3-4 HS chia sẻ và đưa ra lý lẽ thuyết phục.  - Lắng nghe  - Kể cho bạn nghe về những công việc mình đã thực hiện.  - Chia sẻ  - Lắng nghe  - Nhớ lại và liệt kê.  - Làm phiếu.  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Lắng nghe thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

*Thứ tư ngày 20 tháng 12 năm 2023.*

**Toán: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc, so sánh được các số đến lớp triệu.

- Nhận biết được các hang, các lớp (trong hệ thập phân).

- Nhận biết được giá trị theo vị trí của chữ số trong mỗi số.

- Nhận biết được cấu tạo thập phân của số. Viết được số thành tổng các triệu, trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.

- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất của bốn số đã cho trong phạm vi lớp triệu.

- Làm tròn được số có bảy chữ số đến hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.

- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến so sánh các số đến lớp triệu.

**2. Năng lực:**

- Qua thực hành, luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Qua giải bài toán thực tế giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bộ đồ dùng dạy, học toán

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh nhất*  - Nhận xét, tuyên dương. | - Tham gia chơi.  - Lắng nghe. |
| - Giới thiệu - ghi bài. | - Theo dõi, ghi bài. |
| **2. Thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | + Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó. |
| - Yêu cầu HS quan sát, đọc cho nhau nghe. | - Thực hiện. |
| - Tổ chức HS chia sẻ. | - Trả lời: Hà Giang: Tám trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi chín người; Hà Nội: Tám triệu không trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi ba người; Quảng Trị: Sáu trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bay mươi lăm người,… |
| - Nhận xét chung, tuyên dương HS. | - Lắng nghe. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - Nêu yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - Thực hiện cá nhân. |
| - Yêu cầu HS chia sẻ. | a. Các chữ số 5, 1, 7  b. Các chữ số 9, 0, 6  c. Các chữ số 3, 8, 4  d. Năm trăm mười bảy triệu chín trăm linh sáu nghìn ba trăm tám mươi tư. |
| - Củng cố bài tập: Mỗi lớp sẽ có ba chữ số, tăng dần từ lớp đơn vị, lớp nghìn đến lớp triệu. | - Lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | - Nêu yêu cầu |
| - Hướng dẫn học sinh nắm mẫu | - Lắng nghe |
| - Yêu cầu HS lên bảng thực hiện. | - Thực hiện  608 292 = 600 000 + 8000 + 200 + 90 + 2  815 036 = 800 000 + 10 000 + 30 + 6  5 240 601 = 5 000 000 + 200 000 + 40 000 + 600 + 1 |
| - Nhận xét, chốt lại | - Theo dõi. |
| + Câu b yêu cầu gì? | + Điền số? |
| - Tổ chức HS thực hiện câu b | - Nêu nối tiếp.  50 000 + 6 000 + 300 + 2 + 7 = 56327  800 000 + 2 000 + 100 + 40 + 5 = 802 145.  3 000 000 + 700 000 + 5 000 + 90 = 3 705 090 |
| - Cùng HS nhận xét, đánh giá. | - Lắng nghe. |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | + Điền số? |
| - Yêu cầu làm việc vào phiếu học tập. | - Thực hiện vào phiếu. |
| - Yêu cầu HS trình bày. | - Trình bày, nhận xét. |
| - Cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - Lắng nghe. |
| **Bài 5:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | + Đố em! Cho một số có ba chữ số. Khi viết thêm số 2 vào trước số đó thì được số mới có bốn chữ số lớn hơn số đã cho bao nhiêu đơn vị? |
| - Nhận xét, kết luận. | - Lắng nghe. |
| - Gợi ý: Khi viết chữ số 2 vào trước số có ba chữ số thì chữ số 2 ở hàng nào? Khi đó giá trị của chữ số 2 là bao nhiêu? | - Trả lời: Số mới có bốn chữ số lớn hơn số có ba chữ số đã cho là 2 000. |
| - Tổ chức HS chia sẻ. | - Chia sẻ. |
| - Nhận xét, đánh giá | - Lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Lớp triệu có những hàng nào? Lớp nghìn có những hàng nào?  - Em hãy cùng người thân đọc thêm các số từ 4 chữ số trở lên nhé! | - Nêu.  - Lắng nghe, thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe. |
| **Tiết 2** | |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng.*  - Nhận xét, tuyên dương. | - Tham gia chơi.  - Lắng nghe. |
| - Giới thiệu - ghi bài. | - Theo dõi, ghi bài. |
| **2. Thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | + >, <, =? |
| - Yêu cầu HS làm bảng con. | - Thực hiện.  a. 98 979 < 701 352  651 410 > 639 837  4 785 696 < 5 460 315  b. 37 020 = 30 000 + 7 000 + 20  200 895 > 200 000 + 900 + 5  8 100 300 > 7 000 000 + 900 000 |
| - Nhận xét chung, tuyên dương HS. | - Lắng nghe. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc yêu cầu. |
| - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - Thực hiện cá nhân. |
| - Yêu cầu HS chia sẻ. | - Chia sẻ ý kiến:  a. Nước có số lượt khách du lịch tới Việt Nam nhiều nhất là Ma – lai – xi - a. Nước có số lượt khách du lịch tới Việt Nam ít nhất là Lào.  b. Số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam – pu -chia ít hơn số lượt khách du lịch của các nước: Thái Lan, Ma – lai – xi - a. |
| - Nhận xét, kết luận | - Lắng nghe |
| + Vì sao em biết số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam – pu -chia ít hơn số lượt khách du lịch của các nước: Thái Lan, Ma – lai – xi – a? | + Vì số 227 900 < 509 800 < 606 200. |
| - Nhận xét, tuyên dương. | - Lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc: Số học sinh cấp Tiểu học trên cả nước tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8 891 344 học sinh. |
| - Gợi ý: Khi làm tròn số đến hàng trăm ta so sánh chữ số hàng nào với 5? | - Trả lời: ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. |
| - Nhận xét. | - Lắng nghe. |
| - Yêu cầu HS chia sẻ. | - Nêu: a. Việt nói đúng vì chữ số hàng trăm của số học sinh là 4 < 5.  b. Nam đã làm tròn số học sinh đến hàng trăm nghìn.Mai đã làm tròn số học sinh đến hàng nghìn. Việt đã làm tròn số học sinh đến hàng chục nghìn.  Khi muốn làm tròn số đến hàng nào thì ta so sánh chữ số ở hàng đó với 5 sau đó làm tròn lên. |
| - Cùng HS nhận xét, kết luận | - Lắng nghe. |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc |
| + Bài yêu cầu làm gì? | - Nêu yêu cầu |
| - Yêu cầu thảo luận nhóm đôi. | - Thảo luận. |
| - Yêu cầu các nhóm trình bày. | - Đại diện các nhóm trình bày.  Vì máy tính C có giá thấp nhất, máy tính B thấp hơn D nhưng cao hơn A nên giá tiền của các máy tính sẽ xếp theo thứ tự D, B, A, C. Nên máy tính D: 22 300 000 đồng, máy tính B: 21 900 000 đồng, máy tính A: 18 700 000 đồng, máy tính C: 17 800 000 đồng. |
| - Nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - Lắng nghe. |
| - Liên hệ: Tùy mục đích sử dụng của mỗi người mà chúng ta sẽ lựa chọn máy tính có giá tiền phù hợp với mình và khi sử dụng các em cần biết giữ gìn cẩn thận nhé. | - Lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Muốn làm tròn một số ta cần so sánh chữ số ở hàng cần làm tròn với số nào?  - Em hãy cùng người thân so sánh các số có từ 4 - 6 chữ số nhé! | - Nêu.  - Lắng nghe, thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**Tiếng Việt: VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT**

*(Đã soạn ở thứ hai ngày 18 tháng 12)*

*Thứ năm ngày 21 tháng 12 năm 2023.*

**Toán: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU (Tiết 2)**

*(Đã soạn ở thứ tư ngày 20 tháng 12)*

**Tiếng Việt: CÁNH CHIM NHỎ (4 TIẾT )**

**I. YÊU CẦU CẦ ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Cánh chim nhỏ. Biết đọc diễn cảm nhấn giọng các từ ngữ gợi tả sự vật, các từ ngữ gợi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu được những điều tưởng như giản dị, bình thường xung quanh ta lại là mơ ước của nhiều người khác. Biết yêu thương, chia sẻ động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.

- Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm bài văn miêu tả con vật của mình, viết lại được 1 – 2 đoạn trong bài văn của mình cho hay hơn. Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

- Nghe hiểu câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng; kể lại được câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời Kể).

- Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nhân vật trong bài đọc.

**2. Năng lực:**

- Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Biết và mơ ước của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

- Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, ti vi, từ điển Tiếng Việt.

- HS: SGK, vở Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Khởi động:**  - Gọi HS đọc bài Ở Vương quốc Tương Lai. | - 2HS đọc nối tiếp 2 phần. |
| - Gọi HS trả lời một số câu hỏi:  + Theo em, vì sao nơi Tin- tin và Mi- tin đến có tên là Vương quốc Tương Lai? | - Trả lời. |
| + Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì? | - Trả lời. |
| + GV: Nếu em có một đôi cánh có thể bay như chim, em muốn bay đi đâu, gặp gỡ những ai ? | - Phát biểu. |
| - Nhận xét, giới thiệu bài mới. | - Lắng nghe |
| **2. Khám phá:**  - Đọc mẫu toàn bài. | - Lắng nghe. |
| - Bài có thể chia làm mấy đoạn? | - Chia đoạn.  + Đoạn 1: Từ đầu đến nói với bạn.  + Đoạn 2: phần còn lại. |
| - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó: chao liệng, xoay người, vung vẩy, . . . |  |
| - Yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. | - Đọc nối tiếp |
| - Hướng dẫn Đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm. | - Lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. | - Luyện đọc. |
| - Yêu cầu HS đọc cả bài. | - 1 hoặc 2HS đọc toàn bài trước lớp. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu bài** |  |
| - Yêu cầu HS đọc câu hỏi.  + Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì? **(HĐ nhóm đôi)** | - 2HS đọc câu hỏi + Lớp đọc thầm.  - Thảo luận cặp đôi + TLCH  - Hai cậu bé gặp nhau trong công viên. Một cậu bé ước mơ được bay như chim, còn cậu bé bị liệt chỉ muốn được đi và chạy như người bình thường. |
| - Khuyến khích HS diễn đạt theo ý hiểu của các em.  - Giúp HS hiểu: Những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta lại là ước mơ của nhiều người kém may mắn khác,. . . |  |
| + Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì? |  |
| **(HĐ nhóm 4)** | - 1HS đọc câu hỏi 2 + Lớp đọc thầm. |
|  | - Thảo luận nhóm + trình bày kết quả: Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay nói: “Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó” và cậu đã cõng bạn trên lưng, chạy trong công viên để bạn có cảm giác như đang được bay,. . . |
|  | - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. |
| - Nhận xét, kết luận, chốt ý đúng. |  |
| + Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn cõng chạy trong công viên? | - 1HS đọc câu hỏi 3 + Lớp đọc thầm. |
| **(HĐ cá nhân)** | - Làm việc cá nhân, phát biểu: Cậu bé bị liệt sẽ thấy rất vui, sung sướng và có cảm giác như mình đang bay,. . . |
| - Hướng dẫn cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến cá nhân. |  |
| + Nêu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay?  **(HĐ nhóm đôi)** | - Thảo luận cặp đôi + Trình bày kết quả: Cậu bé mơ ước biết bay biết chia sẻ với người bạn kém may mắn hơn mình, cậu là người nhân hậu,. . . |
| - Hướng dẫn cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến cá nhân.  **+ Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?** | + Có những điều tưởng như giản dị, bình thường xung quanh ta lại là mơ ước của nhiều người khác. Biết yêu thương, chia sẻ động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.  - Nêu lại nội dung bài |
| - Chiếu nội dung bài |  |
|  | Vài hs nhắc lại |
| - Nhận xét, bổ sung, khen ngợi HS |  |
| **\* Củng cố:** |  |
| + Qua bài đọc em thấy bạn nhỏ là người thế nào ? Em học được điều gì qua bài học này ? | Chia sẻ |
|  |  |
| - GV cùng HS nhận xét và sửa câu.  - Nhận xét tiết học. | - Thực hiện. |
|  |  |
| **Tiết 2** | |
| **1. Khởi động :**  - Lớp trưởng lên cho học sinh chơi trò chơi “ chuyền thư” để khởi đng bài học.  - Đọc đoạn 1bài : Cánh chim nhỏ trả lời câu hỏi:  + Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì? | + Hai cậu bé gặp nhau trong công viên. Một cậu bé ước mơ được bay như chim, còn cậu bé bị liệt chỉ muốn được đi và chạy như người bình thường. |
| Đọc đoạn 2 bài: Cánh chim nhỏ trả lời câu hỏi;  + Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn cõng chạy trong công viên?  - Nhận xét dẫn dắt vào bài mới  **2. Luyện tập:**  **Hoạt động 3: Luyện đọc lại:**  - Hướng dẫn Luyện đọc diễn cảm.  Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả sự vật, các từ ngữ gợi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện như: *Ồ, ước gì, chia sẻ, đứng lặng, rưng rưng,…*  - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm đôi, HS thi đọc.  - Bình chọn nhóm đọc hay nhất  **Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc:**  + Tìm những từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài Cánh chim nhỏ ? **(**Nhóm đôi) | + Cậu bé bị liệt sẽ thấy rất vui, sung sướng và có cảm giác như mình đang bay,. . .  - Ghi đề bài  - Lắng nghe  - Đọc nhóm đôi  - Các nhóm thi đọc  - Thảo luận nhóm đôi,  - Đại diện nhóm trình bày. |
|  | - Các nhóm nhận xét |
| - Nhận xét tuyên dương học sinh  + Đặt 1 – 2 câu với những từ ngữ em vừa tìm được? **(**Nhóm 4)  + Khi đặt câu các em cần chú ý điều gì? | + Những từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ; cười giòn tan, ôm ghì, hét to, rưng rưng . . .  + Đầu câu viết hoa, cuối câu ghi dấu chấm. |
|  | - Thảo luận nhóm 4, đặt câu, chia sẻ trong nhóm, Nhận xét , góp ý cho câu văn của bạn. |
|  | - Đại diện nhóm trình bày |
| - Nhận xét  **3. Vận dụng:**  + Em có cảm nhận gì về cậu bé trong bài Cánh chim nhỏ.  - Nhận xét tiết học | - Các nhóm nhận xét  - Chia sẻ cảm nhận của mình |
| **Tiết 3** | |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức cho học sinh hát và vận động tại chỗ.  - Giới thiệu ghi bài | - Hát và vận động  - Lắng nghe |
| **2. Luyện tập:**  - Trả bài cho HS và nhận xét chung.  - Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu. | - Lắng nghe, đọc nhận xét ưu, nhược điểm về bài của mình.  - Thực hiện. |
| **-** Tổ chức cho Chia sẻ bài sau khi hoàn thiện. | - Chia sẻ. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Tổ chức cho Chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập | - Thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học |  |
| **Tiết 4** | |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức cho học sinh hát và vận động tại chỗ.  - Giới thiệu ghi bài | - Hát và vận động  - Lắng nghe |
| **2. Luyện tập:**  *a, Nghe kể chuyện*  - Kể câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng. | - Lắng nghe. |
| *b, Kể chuyện* |  |
| - Cho HS quan sát tranh minh họa SGK. | - 2HS đọc yêu cầu BT2. |
| - Yêu cầu HS làm việc nhóm bốn: Lần lượt từng HS kể từng đoạn theo nội dung mỗi bức tranh, kể toàn bộ câu chuyện, HS trong nhóm góp ý, nhận xét. | - Thực hiện. |
| - Động viên khen ngợi những nhóm HS nhớ và kể lại được nội dung câu chuyện bằng lời của mình, kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,. . . | - Đại diện các nhóm trình bày. |
| - Cả lớp nhận xét, bổ sung. |  |
| *c, Nêu ý nghĩa câu chuyện* |  |
| - Yêu cầu HS suy nghĩ nêu ý nghĩa câu chuyện. | - Thực hiện, chia sẻ. |
| - Nhận xét, bổ sung, kết luận: *Phải mạnh dạn, tự tin vào bản thân, đi đó đi đây để mở rộng tầm hiểu biết mới mau khôn lớn, vững vàng để thực hiện được ước mơ của mình.* | - 2 HS nhắc lại ý nghĩa. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Yêu cầu HS trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng.  - Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ. | - Thực hiện. |
| - Nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS ôn lại Bài 30 và đọc trước Bài 31. | - Thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Lịch sử và địa lí: ÔN TẬP**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Đọc thư viện: CÙNG ĐỌC**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt: TRẢ BÀI VĂN TẢ CON VẬT**

*(Đã soạn ở thứ năm ngày 21 tháng 12)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ sáu ngày 22 tháng 12 năm 2023.*

**Toán: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp triệu

- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu.

- Tính được giá trị của biểu thức liên quan tới phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc.

- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số.

- Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất.

- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.

**2. Năng lực:**

- Qua thực hành làm bài tập sẽ giúp HS phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, khả năng sáng tạo.

- Qua giải bài toán thực tế giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: bộ đồ dung dạy học, phiếu học tập.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **TIẾT 1** | |
| **1. Khởi động:**  - Tổ chức HS chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng.*  - Nhận xét, tuyên dương. | - Tham gia chơi.  - Lắng nghe. |
| - Giới thiệu - ghi bài. | - Theo dõi, ghi bài. |
| **2. Thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | - Tính nhẩm |
| - Yêu cầu HS làm cá nhân. | - Thực hiện |
| - Tổ chức cho HS chơi Truyền điện. | - Tham gia chơi. |
| - Nhận xét chung, tuyên dương HS. | - Lắng nghe. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | + Đặt tính rồi tính. |
| - Yêu cầu HS làm phiếu học tập. | - Làm phiếu. |
| - Yêu cầu HS làm bảng phụ. | - 1 HS làm bảng phụ. |
| - Thu chấm 10 phiếu. | - Còn lại HS đổi chéo phiếu, kiểm tra cho nhau. |
| - Nhận xét, đánh giá. Lưu ý: Khi thực hiện đặt tính các em nhớ đặt các chữ số thẳng hàng và thẳng cột với nhau. | - Lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | - Nêu |
| - Gợi ý: Để xác định được biểu thức nào có giá trị lớn nhất hoặc bé nhất ta phải làm như thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - Trả lời: Ta phải tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh chúng với nhau.  A. 90 000 + 30 000 + 5 473  = 120 000 + 5 473  = 125 473  B. 387 568 – ( 200 000 – 40 000)  = 387 568 – 160 000  = 227 568  C.456 250 + 200 000 – 500 000  = 656 250 – 500 000  = 156 250  D.210 000 – 90 000 + 4 975  = 120 000 + 4 975  = 124 975  Vậy biểu thức B có giá trị lớn nhất, biểu thức D có giá trị bé nhất. |
| - Cùng HS nhận xét, kết luận  Khi thực hiện biểu thức có phép cộng và trừ ta cần thực hiện lần lượt từ trái sang phải, đối với biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc đơn trước nhé. Và muốn so sánh các số có 6 chữ số ta so sánh lần lượt từ hàng cao tới hàng thấp tức là từ hàng trăm nghìn đến hàng đơn vị. Số nào có chữ số ở hàng nào lớn hơn thì số đó lớn hơn và ngược lại. | - Lắng nghe. |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - Đọc. |
| + Bài yêu cầu làm gì? | + Tính giá tiền mỗi loại? |
| - Gợi ý: Đầu tiên ta tính giá tiền của vật nào? Từ đó ta tính được giá tiền của vật nào? | - Chia sẻ: Đầu tiên ta tính được giá tiền của một đôi tất, sau đó sẽ tính được giá tiền của đôi giày và bộ đồng phục. |
| - Nhận xét | - Lắng nghe. |
| - Yêu cầu HS làm vở. | - Làm vở, nêu bài làm. |
| - Nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - Lắng nghe. |
| - Liên hệ: 314 000 đồng đây là số tiền mà bố mẹ đã bỏ ra để mua những đồ dùng cần thiết cho các bạn đi học ngoài ra còn rất nhiều khoản tiền khác. Vì vậy khi sử dụng các đồ vật này các bạn hãy trân trọng và giữ gìn cẩn thận nhé. | - Lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:** |  |
| - Muốn tính giá trị của 1 biểu thức gồm phép cộng, trừ ta làm như thế nào?  - Em hãy vận dụng kiến thức đã học làm thêm các bài tập nhé! | - Nêu.  - Lắng nghe, thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe. |
| **Tiết 2** | |
| **1. Khởi động:**  - Yêu cầu HS thực hiện 2 phép tính về phép cộng, trừ.  - Nhận xét, giới thiệu bài.  **2. Luyện tập, thực hành:**  **Bài 1:**  - Cho HS đọc yêu cầu của bài  - Cho HS làm việc cá nhân, GV lưu ý HS cách tính nhẩm: lấy triệu, chục triệu làm đơn vị tính.  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi gọi thuyền.  **Bài 2:**  - Cho HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. Lưu ý HS cách đặt tính.  - Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện.  **Bài 3:**  - Cho HS đọc đề bài.  - Hướng dẫn học sinh phân tích đề: *Muốn biết Mai đủ tiền mua ba món đồ nào ta làm thế nào?(Tính tổng giá tiền của ba món đồ có giá tiền theo thứ tự từ thấp nhất?*  *-* Cho HS làm bài theo nhóm 4  - Cho HS chia sẻ  **Bài 4:**  - Cho HS nêu yêu cầu  + Để tính được giá trị biểu thức sử dụng tính chất nào của phép cộng?  - Trong biểu thức đã cho, hai số nào có tổng là số tròn trăm?  - Cho HS làm bài cặp đôi  **3. Vận dụng:**  - Nêu cách thực hiện phép cộng, phép trừ?  - Thế nào là tính chất giao hoán? Tính chất kết hợp trong phép cộng?  - Nhận xét tiết học. | - Làm việc cá nhân.  Nêu: Tính nhẩm  - Làm cá nhân vào vở  a. 8 000 000 + 4 000 000 =12 000 000  60 000 000+50 000 000 =110 000 000  15 000 000 - 9 000 000 =6 000 000  140 000 000-80 000 000 = 60 000 000  b. 6 000 000 + 9 000 000 – 7 000 000 = 8 000 000  130 000 000 – 60 000 000 + 50 000 000 = 120 000 000  - Tham gia chơi.  - Nêu yêu cầu bài 2: Đặt tính rồi tính  - Làm bài  - Đáp án:  370528 + 85706 = 456234  251749 – 6052 = 245697  435290 + 208651 = 643941  694851 – 365470 = 329381  - Chia sẻ cặp đôi  - Trả lời  - Đọc đề bài  - Phân tích đề.  - Làm bài theo nhóm  Bài giải  a. Số tiền mua một đôi dép và một hộp đồ chơi xếp hình là:  70000 + 125000 = 195000 (đồng)  Cô bán hàng trả lại Mai số tiền là:  200 000 – 195 000 = 5 000 (đồng)  Đáp số: 5 000 đồng  b. Ta có: 50 000 + 65 000 + 70 000 = 185 000 bé hơn 200 000. Vậy chọn B  - HS chia sẻ  - Nêu yêu cầu.  - Tính chất giao hoán và tính chất kết hợp  - Trả lời  - Làm bài - chia sẻ  16370 + 6090 + 2530 + 4010  = (16370 + 2530) + (6090 +4 010)  = 18900 + 10100 = 29000  - Nêu |
| **Tiết 3** | |
| **1. Khởi động:**  - Yêu cầu HS thực hiện 2 phép tính về phép cộng, trừ.  - Nhận xét, giới thiệu bài.  **2. Luyện tập:**  **Bài 1:**  - Cho HS đọc yêu cầu của bài  - Cho HS nêu lại cách thực hiện  - Cho HS làm việc cá nhân  - Gọi HS báo cáo kết quả  **Bài 2:**  - Cho HS nêu yêu cầu của bài  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - Yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi, chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện.  **Bài 3:**  - Cho HS đọc đề bài.  - Hướng dẫn học sinh phân tích đề: *Bài toán cho biết gi? Bài toán hỏi gì? Cần tìm gì trước? phải làm phép tính gì?*  - Hướng dẫn HS vẽ sơ đồ  *-* Cho HS làm bài theo nhóm 4  - Cho HS chia sẻ  - Nhận xét.  **Bài 4:**  - Cho HS nêu yêu cầu  - Để điền được dấu vào ô trống ta phải làm như nào?  - Hướng dẫn HS cách thực hiện  - Cho HS làm bài cặp đôi và chia sẻ  **3. Vận dụng:**  + Nêu cách thực hiện phép cộng, phép trừ.  + Thế nào là tính chất giao hoán? Tính chất kết hợp trong phép cộng?  - Nhận xét tiết học. | - Làm việc cá nhân.  Đọc: Đặt tính rồi tính  - Nêu (Đặt tính rồi thực hiện tính)  - Làm cá nhân vào vở  - Báo cáo kết quả.  245 489 + 32 601 = 278 090  566 345 – 7 123 = 559 222  760 802 + 239 059 = 999 861  800 693 – 750 148 = 50 545  - Điền Đ, S  - Làm bài  - Chia sẻ  - Trả lời: Đáp án: S - S – Đ  - Nêu yêu cầu.  - Trả lời  - Vẽ sơ đồ  - Làm bài theo nhóm  Bài giải  Hai lần độ dài tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Hới là:  791 + 253 = 1 044 (km)  Độ dài tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Hới là:  1 044 : 2 = 522 (km)  Độ dài tuyến đường sắt Đồng Hới – Đà Nẵng là:  522 – 253 = 269 (km)  Đáp số: 522km, 269km.  - Chia sẻ  - Nêu yêu cầu (>; <; =)  - Trả lời  - Làm bài và chia sẻ.  Đáp án: a. >; b.>  - Nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

………………………………………………………………………………………\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt: KỂ CHUYỆN ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG**

*(Đã soạn ở thứ năm ngày 21 tháng 12)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Sinh hoạt lớp**: **ĐÁNH GIÁ VỀ KHẢ NĂNG TỰ LỰC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- HS nhận ra được những ưu điểm để phát huy, những khuyết điểm để khắc phục trong tuần học tới.

- HS tự đánh giá về khả năng tự thực hiện công việc của mình.

**2. Năng lực:** giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất:**

- Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: trang phục hoặc dụng cụ để thực hiện nhiệm vụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động tổng kết tuần:**  - Cùng HS tổng kết tuần, dự kiến các hoạt động tuần sau.  \*Nhận xét ưu điểm và tồn tại:  ……………………………………………  ……………………………………………  ……………………………………………  \*Dự kiến các hoạt động tuần sau:  ……………………………………………  ……………………………………………  **2. Chia sẻ thu hoạch sau trải nghiệm:**  - Yêu cầu HS chia sẻ với bạn cùng bàn theo gợi ý sau:  + Em đã giúp người thân làm những việc nhà gì việc nào? Em làm tốt nhất? Em làm việc này vào thời gian nào trong ngày?  + Khiển việc đó em đã sử dụng dụng cụ nào làm xong em có cất dụng cụ đúng chỗ không có điều gì cần lưu ý khi sử dụng dụng cụ này ví dụ chổi cọ bồn vệ sinh sau khi dùng phải để nơi khô ráo, khăn lau nhà cần được giặt và phơi ra nắng,...  - Mời 2-3 HS chia sẻ bí kíp của mình để làm việc nhà tốt nhất.  - Kết luận: Làm việc nhà nên trở thành thói quen và niềm vui của mỗi người.  **3. Hoạt động nhóm**  - Đề nghị HS tự đánh giá khả năng tự lực thực hiện nhiệm vụ ở nhà của mình nhớ việc phải làm: Hoàn thành đúng hạn; Đảm bảo chất lượng công việc.  - Chia sẻ về sự tiến bộ của em trong việc tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao: “Trước kia, mình… Bây giờ, mình đã …”  - Mời một vài HS chia sẻ góp ý của người thân trong Phiếu việc nhà về những việc em đã làm được.  - HS tự đánh giá khả năng tự lực thực hiện của mình theo các tiêu chí:  + Hoàn thành đúng hạn nhưng cần nhắc nhở.  + Hoàn thành đúng hạn  + Hoàn thành đúng hạn nhưng có sáng tạo trong công việc.  - Kết luận: Nếu em hoàn thành đúng hẹn và có sáng tạo trong công việc em được nhận huy hiệu người có trách nhiệm.  **4. Cam kết hành động:**  **-** Mời HS tự lực thực hiện nhiệm vụ của mình ở nhà và ở trường để luôn là người có trách nhiệm.  - Nhận xét giờ học. | - Chia sẻ trước lớp  - Chia sẻ theo cặp về kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  - Chia sẻ  - Tự đánh giá  - Chia sẻ theo nhóm 4  - Khác góp ý.  - Thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………